



Bài báo nghiên cứu

CÔNG TÁC HẬU CẦN – KỸ THUẬT TRONG CHIẾN DỊCH HỒ CHÍ MINH MÙA XUÂN NĂM 1975

Nguyễn Thị Hương

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Hương – Email: nguyenthihuonghcmue@gmail.com

Ngày nhận bài: 16-3-2025; ngày nhận bài sửa: 17-4-2025; ngày duyệt đăng: 28-4-2025

TÓM TẮT

Thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh ngày 30/4/1975 đánh dấu cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam kết thúc, mở ra trang sử mới cho lịch sử dân tộc. Bài viết này khái quát bối cảnh lịch sử diễn ra Chiến dịch Hồ Chí Minh (4/1975), nêu lên sự chỉ đạo của Bộ Chính trị về Chiến dịch Hồ Chí Minh. Ngoài ra, để đảm bảo an toàn cho chiến dịch, quá trình chuẩn bị của công tác hậu cần – kỹ thuật cũng rất chu đáo và cẩn thận, gồm: hoạt động chuyển quân của Quân đoàn 2 từ Đà Nẵng, Quân đoàn 3 từ Dầu Tiếng - Tây Ninh, Quân đoàn 1 từ miền Bắc vào mặt trận Sài Gòn; Quân đoàn 4 và Đoàn 232 tác chiến tại Xuân Lộc, Long An; Đường số 4 tạo thế cho cuộc tổng công kích vào Sài Gòn. Bên cạnh đó, bài viết còn khái quát về sự chuẩn bị tại chỗ của Khu ủy và Quân khu Sài Gòn – Gia Định khi xây dựng cơ sở hậu cần, tổng kết số lượng tiêu thụ vũ khí, xăng dầu và cứu chữa thương binh cho các Quân đoàn trực tiếp tham gia chiến dịch, đồng thời nêu ra những thuận lợi, khó khăn của quá trình vận chuyển hậu cần suốt Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Từ khóa: Chiến dịch Hồ Chí Minh; hậu cần – kỹ thuật; giải phóng miền Nam; Bộ Chính trị; Việt Nam Cộng hòa

1. Mở đầu

Mùa xuân năm 1975, ở chiến trường miền Nam Việt Nam đã diễn ra nhiều sự kiện lịch sử quan trọng làm rung chuyển bộ máy lãnh đạo của Chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Với chiến lược đánh nghi binh đã đưa đến thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên (3/1975) giải phóng khu vực Tây Nguyên của Tổ quốc. Kế thừa thắng lợi đó, nhân dân các tỉnh từ Thừa Thiên Huế đến Đà Nẵng đã vùng dậy làm nên chiến thắng của chiến dịch Huế – Đà Nẵng (3/1975).

Từ hai chiến thắng trên đã mở ra cơ hội cho giải phóng hoàn toàn miền Nam, trong bối cảnh đó Bộ Chính trị quyết định mở Chiến dịch Hồ Chí Minh (26/4 – 30/4/1975) nhằm đột kích vào sào huyệt cuối cùng của quân đội Sài Gòn, giải phóng miền Nam, thống nhất

Cite this article as: Nguyen, T. H. (2025). Logistics and technical operations in the Ho Chi Minh Campaign, Spring 1975. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 22(4), 723-734. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.4.4900\(2025\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.4.4900(2025))

đất nước. Bằng phương pháp lịch sử và phương pháp logic, nội dung bài viết sẽ làm rõ tầm quan trọng của công tác hậu cần; Quá trình chuẩn bị hậu cần – kỹ thuật trước và trong Chiến dịch Hồ Chí Minh; Những khó khăn trong quá trình tổ chức, vận chuyển hậu cần cho Chiến dịch Hồ Chí Minh nhằm đảm bảo sự thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát bối cảnh và sự chỉ đạo của Bộ Chính trị về Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975

Thắng lợi của chiến dịch Tây Nguyên (3/1975), chiến dịch Trị Thiên Huế – Huế và Chiến dịch Đà Nẵng (3/1975) đánh dấu bước trưởng thành của quân đội nhân dân Việt Nam. Bộ đội Việt Nam đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm về tổ chức, chỉ huy và tác chiến hiệp đồng binh chủng trong các chiến dịch có quy mô lớn.

Thắng lợi to lớn của 3 chiến dịch trên và các mặt trận trên toàn miền Nam đã làm cho quân đội của Chính quyền Sài Gòn bị tổn thất nặng nề. Tính đến tháng 4/1975, quân đội Việt Nam Cộng hòa chỉ còn 7 sư đoàn bộ binh, 5 liên đoàn biệt động quân, 8 tiểu đoàn pháo binh, 12 thiết đoàn xe tăng và xe thiết giáp, 1300 máy bay, 1496 tàu xuồng. Vì thế, họ đã ra sức tập hợp tàn quân từ các quân đoàn, bố trí lực lượng thành nhiều tuyến phòng thủ nhằm bảo vệ an toàn cho Sài Gòn từ xa.

Trong cuộc họp chính trị ngày 31/3/1975, Bộ Chính trị nhận định: “Về chiến lược, về lực lượng quân sự, chính trị ta có sức mạnh áp đảo, địch đang đứng trước nguy cơ sụp đổ và diệt vong, Mĩ tỏ ra hoàn toàn bất lực, dù có tăng viện cũng không thể cứu vãn được tình thế của nguy. Cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam không những đã bước vào giai đoạn nhảy vọt mà thời cơ để mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy tại Sài Gòn – Gia Định đã chín muồi. Từ giờ phút này, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta đã bắt đầu” (Communist Party of Vietnam, 2004, p. 95).

Bộ Chính trị chỉ rõ nhiệm vụ của Quân đội Việt Nam lúc này là “gấp rút tăng thêm lực lượng vào hướng Tây Sài Gòn, thực hiện chia cắt và bao vây chiến lược, triệt hãn Đường số 4, áp sát Sài Gòn, đồng thời nhanh chóng tập trung lực lượng ở hướng đông và đông nam, đánh chiếm những mục tiêu quan trọng, thực hiện bao vây cô lập hoàn toàn Sài Gòn” (Ministry of Defense, 2024, p. 586).

Quyết giành thắng lợi ở trận chiến lược cuối cùng này, Bộ Chính trị quyết định thành lập Hội đồng chỉ viện chiến trường do Thủ tướng Phạm Văn Đồng làm chủ tịch, Phó Thủ tướng Lê Thanh Nghị và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Phan Trọng Tuệ làm Phó Chủ tịch. Toàn bộ sức mạnh của đất nước huy động vào trận quyết chiến và phải hành động “Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng” (Ministry of Defense, 2020, p.481).

Như vậy, thời cơ giải phóng hoàn toàn miền Nam đã tới, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trên cả hai miền Nam – Bắc dốc hết sức mình, thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị là giải phóng Sài Gòn trước ngày 01/5/1975. Do đó, từ đầu tháng 4/1975 trên tất cả các nẻo

đường của đất nước: đường bộ, đường sông, đường biển, đường không chở đầy hàng và bộ đội, ngày đêm hối hả nối đuôi nhau vượt cung, tăng chuyển ra tiền tuyến.

2.2. Tầm quan trọng của hậu cần – kỹ thuật quân sự trong Chiến dịch Hồ Chí Minh (4/1975)

Trong chiến tranh, hậu cần luôn đóng vai trò then chốt, làm nên thắng lợi của mỗi chiến dịch. Ngoài vai trò của người chỉ huy, công tác hậu cần – kỹ thuật luôn đi kèm nhằm hỗ trợ đảm bảo thành công cho trận chiến, chiến dịch.

Đối với Chiến dịch Hồ Chí Minh (4/1975), công tác hậu cần cấp thiết hơn bao giờ hết. Với quyết tâm giải phóng hoàn toàn miền Nam trước tháng 5/1975, Bộ Chính trị đã thành lập Hội đồng chỉ viện cho chiến trường. Do đó, công tác của hậu cần – kỹ thuật có vai trò và tầm quan trọng như sau: Đảm bảo đủ lương thực giúp bộ đội Việt Nam ăn no, đánh thắng; Đảm bảo đủ vũ khí, khí tài, phương tiện chiến tranh trong mỗi chiến dịch; Cùng hành quân và theo sát, hỗ trợ kịp thời khi chiến dịch diễn, đảm bảo chiến dịch diễn ra thông suốt giành thắng lợi; Cứu chữa thương binh kịp thời, góp phần hạn chế thương vong trong chiến tranh. Vì thế, nhằm chắc chắn chiến dịch cuối cùng giành thắng lợi, công việc chuẩn bị hậu cần diễn ra rất gấp, cả trước và trong Chiến dịch Hồ Chí Minh một cách cẩn thận và chu đáo nhất.

2.3. Công tác chuẩn bị hậu cần trước khi Chiến dịch Hồ Chí Minh diễn ra (4/1975)

Thực hiện tư tưởng chỉ đạo “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương quyết định nhanh chóng đưa Quân đoàn 1 từ miền Bắc, Quân đoàn 2 từ Đà Nẵng và Quân đoàn 3 từ Tây Nguyên vào mặt trận Sài Gòn. Vì thế, công tác hậu cần phải tập trung đảm bảo cho các quân đoàn, quân chủng, binh chủng cơ động vào mặt trận.

Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng Tư lệnh chỉ thị cho Quân đoàn 1 để lại Sư đoàn 308 làm nhiệm vụ dự bị chiến lược bảo vệ miền Bắc còn toàn bộ Quân đoàn và các phân đội trực thuộc với “tổng quân số là 31.277 người cùng 968 ô tô, 47 pháo mặt đất, 140 pháo phòng không khẩn trương hành quân vào miền Đông Nam Bộ” (Ministry of Defense, 2017, p.227).

Ngày 13/4/1975, Sư đoàn 320B và Sở chỉ huy tiền phương Quân đoàn 1 vào tới Đồng Xoài. Ngày 24/4/1975, toàn Quân đoàn vào vị trí tập kết, “quân số tới đích đạt 98,1%, xe đạt 93,3%, pháo mặt đất đạt 89,3%, pháo phòng không đạt 84,3%” (Ministry of Defense, 2017, p.227). Dạn dạc, lương thực, thực phẩm mang đủ cơ số sẵn sàng chiến đấu. Đây là lần đầu tiên Quân đội nhân dân Việt Nam cơ động bằng cơ giới cấp quân đoàn, vượt qua chặng đường gần 2000km chỉ mất 15 ngày, phần lớn là đường núi, chiếm lĩnh địa bàn tiền công Sài Gòn từ hướng bắc đúng thời gian quy định của Bộ.

Lực lượng hành quân của Quân đoàn 2 gồm Sư đoàn 304 (trừ Trung đoàn 9 cơ động từ Đà Nẵng vào Quy Nhơn bằng hai tàu của Hải quân) với “quân số lên đến 40.000 người hành quân theo Đường số 1 cùng 2600 xe ô tô, 89 xe tăng và xe thiết giáp, 223 pháo xe kéo” (Ministry of Defense, 2017, p.231). Khẩu hiệu “Thần tốc, thần tốc hơn nữa. Táo bạo, táo bạo hơn nữa. Xốc tới mặt trận giải phóng miền Nam. Quyết chiến và quyết thắng” được cán bộ, chiến sĩ Quân đoàn dán lên vành mũ và dán trên cửa buồng lái, dán vào thành xe để động

viên nhau trong lúc hành quân vào Nam. Điều này cho thấy quyết tâm giải phóng miền Nam luôn dâng cao trong lòng mỗi chiến sĩ của quân đội Việt Nam. Ngày 24/4/1975, Quân đoàn 2 đã tập kết đầy đủ tại Xuân Lộc, sau khi vượt qua chặng đường 900km phá vỡ nhiều tuyến phòng thủ của Quân đội Việt Nam Cộng hòa.

Từ ngày 4/4/1975, các đơn vị của Quân đoàn 3 bắt đầu cơ động vào khu vực Dầu Tiếng – Tây Ninh ở hướng tây bắc Sài Gòn. Sở chỉ huy tiền phương Quân đoàn, Sư đoàn 316 và các lực lượng binh chủng xuất phát hành quân từ thị xã Buôn Ma Thuột theo đường số 14 tiến về phía nam Dầu Tiếng. Ngoài ra, Quân đoàn 4 từ Dầu Tiếng về phía đông để tiến công giải phóng Định Quán, Lâm Đồng, Đường số 20, Võ Đắc, đảm bảo cho các sư đoàn chủ lực của Đoàn 232 cơ động áp sát hướng Tây Nam và Nam Sài Gòn.

Để chỉ đạo trực tiếp và hiệu quả lực lượng kỹ thuật làm nhiệm vụ tiếp quản, thu hồi, sửa chữa và đảm bảo vũ khí trang bị cho các lực lượng tham gia Chiến dịch Hồ Chí Minh. Ngày 16/4/1975, Tiền phương Tổng cục Kỹ thuật ở phía Nam được thành lập do Đại tá Nguyễn Văn Tiên, Phó Chủ nhiệm Tổng cục phụ trách. Theo kế hoạch, nhu cầu đảm bảo vật chất cho toàn Chiến dịch Hồ Chí Minh lên tới “60.000 tấn gồm 30.000 tấn vũ khí đạn, 8.000 tấn xăng dầu, 21.000 tấn hàng quân nhu, 1000 tấn thuốc và dụng cụ quân y” (Ministry of Defense, 2017, p.242). Đây là khối lượng vật chất lớn chưa từng có khi hậu cần – kỹ thuật phải chuẩn bị cho một chiến dịch. Lượng vật chất lớn phải chuẩn bị gấp rút và đặc biệt là đảm bảo giữ bí mật.

Tại Nam Bộ, nhờ sự chuẩn bị tích cực trong hai năm 1973 – 1974 nên đến đầu tháng 4/1975 lượng dự trữ vật chất tại chỗ của Nam Bộ “đã có khoảng 40.000 tấn, trong đó có ở các khu căn cứ hậu cần phía trước 15.000 tấn gồm 4.000 tấn đạn, 1.200 tấn xăng dầu, còn lại là các loại vật chất khác” (Ministry of Defense, 2017, p.258). Tuy nhiên, so với yêu cầu chiến dịch là 60.000 tấn, lượng dự trữ vật chất mới đạt 66,6%, chủng loại vật chất dự trữ thiếu đồng bộ, xăng dầu thiếu khoảng 75% nhu cầu, đạn dược thiếu đến 50% nhu cầu, thiếu nhất là đạn pháo.

Điểm đặc biệt trong công tác hậu cần chuẩn bị cho Chiến dịch Hồ Chí Minh là Khu ủy và Quân khu Sài Gòn – Gia Định xác định rõ 5 nhiệm vụ đó là xây dựng cơ sở chính trị để từ đó xây dựng cơ sở hậu cần; tổ chức hành lang vận chuyển và tổ chức giao liên, tổ chức hành quân và vận chuyển vật chất; tổ chức nơi trú, ém quân, sở chỉ huy và hầm kho dự trữ vũ khí, đạn dược; tổ chức cứu chữa thương binh. Với tinh thần tất cả cho trận chiến cuối cùng. Đến ngày 26/4/1975, với lượng vật chất dự trữ từ trước ở chiến trường miền Đông Nam Bộ, cùng với khối lượng vật chất vận chuyển chi viện cấp tốc từ hậu phương miền Bắc, hậu cần đảm bảo cho chiến dịch cơ bản hoàn thành. “Chiến dịch đã có lượng dự trữ vật chất là 55.000 tấn (trong đó có 25.000 tấn đạn, 4500 tấn xăng dầu, 24.500 tấn hàng quân nhu) đạt hơn 90% kế hoạch” (General Department of Logistics, 1986, p.44).

Trong quá trình chuẩn bị hậu cần cho chiến dịch, tuyến vận tải chiến lược sử dụng 1.310 chuyến xe ô tô, chuyển hơn 5.000 tấn đạn và một số vật chất khác vào Đồng Xoài và

Xuân Lộc đưa tổng số vận chuyển vật chất các loại tính đến ngày 30/4/1975 lên đến 60.647 tấn, đạt 101% nhu cầu kế hoạch. Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo cho chiến dịch thành công, tạo thành gọng kìm bao vây Sài Gòn từ nhiều phía. Ngày 23/4/1975, Bộ Quốc phòng quyết định thành lập Căn cứ liên hợp bảo đảm hậu cần – kỹ thuật cho Chiến dịch Hồ Chí Minh tại cảng Cam Ranh. Có thể nói, hậu cần chuẩn bị cho Chiến dịch Hồ Chí Minh cơ bản hoàn thành, nhiệm vụ quan trọng nhất đó là vận chuyển thông suốt, phối hợp nhịp nhàng công tác hậu cần trong chiến dịch Hồ Chí Minh.

2.4. Công tác hậu cần trong chiến dịch Hồ Chí Minh (4/1975)

Sài Gòn – Gia Định là trung tâm chính trị, kinh tế và là dinh lũy cuối cùng của chính quyền Việt Nam Cộng hòa. Sau khi mất Phan Rang, Xuân Lộc, chủ trương “phòng thủ Sài Gòn” từ xa của quân đội Sài Gòn bị sụp đổ, tạo nên tâm lí hoang mang, lúng túng, chính quyền này đã lâm vào tình thế bị động.

Tại Sài Gòn, 6 trung đoàn đặc công, 4 tiểu đoàn và 11 đội biệt động bí mật triển khai lực lượng ở vùng ven và áp sát các mục tiêu ở nội thành, chuẩn bị chiếm và giữ các cầu lớn ra vào thành phố. Thành ủy Sài Gòn – Gia Định do đồng chí Võ Văn Kiệt làm Bí thư, điều động 1.700 cán bộ vào các quận nội thành và các xã vùng ven, sẵn sàng phát động quần chúng nổi dậy phối hợp với đòn tiến công của bộ đội chủ lực.

Thế theo nguyện vọng của cán bộ, chiến sĩ trên chiến trường, Bộ Tư lệnh chiến dịch nhất trí đề nghị Bộ Chính trị Chiến dịch giải phóng Sài Gòn được mang tên Chiến dịch Hồ Chí Minh. 19 giờ ngày 14/4/1975, bức điện mang số 37/TK của Bộ Chính trị được gửi đến mặt trận: “Đồng ý Chiến dịch Sài Gòn lấy tên là Chiến dịch Hồ Chí Minh” (Communist Party of Vietnam, 2004, p.109).

Lực lượng quân đội nhân dân Việt Nam tham gia chiến dịch có 4 quân đoàn, tổng cộng lực lượng chiến đấu có “270.000 (250.000 chủ lực, 20.000 địa phương) và 180.000 lực lượng hậu cần chiến lược chiến dịch” (Ministry of Defense, 2024, p.605). Các đơn vị chủ lực tham gia chiến dịch là những binh đoàn chủ lực vừa chiến thắng lớn ở Tây Nguyên, Huế, Đà Nẵng và trên chiến trường miền Đông Nam Bộ, là những lực lượng đã nhiều năm bám trụ chiến trường, am hiểu địa hình trong và ngoài Thành phố.

Nhằm đảm bảo chiến dịch diễn ra thắng lợi, Bộ Tư lệnh quyết định bao vây Sài Gòn từ 5 hướng. Hướng Tây Bắc có Quân đoàn 3, hướng Bắc và Đông Bắc có Quân đoàn 1, hướng Đông và Đông Nam có Quân đoàn 4 và Quân đoàn 2, hướng Tây và Tây Nam có Đoàn 232 (tương đương với quân đoàn), vùng ven và nội thành Sài Gòn – Gia Định có các đơn vị đặc công, pháo binh, biệt động thành kết hợp với lực lượng chính trị của quần chúng đã được phát động sẵn sàng nổi dậy.

Đúng 17 giờ ngày 26 tháng 4 năm 1975, chiến dịch Hồ Chí Minh bắt đầu, lực lượng đảm bảo hậu cần bám sát các mũi tấn công đáp ứng kịp thời cho các đơn vị vào trực tiếp tham gia chiến đấu. Từ ngày 26-30/4/1975, hậu cần chiến dịch đã đảm bảo cho 5 hướng tiến

công hiệp đồng, binh chủng quy mô lớn và tập trung vào việc vận chuyển đạn dược, xăng dầu, cấp cứu thương binh, đảm bảo phương tiện cho các binh đoàn tiến thọc sâu.

Tại hướng đông, 17 giờ ngày 26/4/1975 bộ đội Việt Nam bắt đầu nổ súng tấn công. Đêm ngày 26/4/1975, công tác hậu cần của Quân đoàn 2 đã bám sát đội hình chiến đấu, tiếp tế vật chất cho Sư đoàn 3 tiến công Bà Rịa, Vũng Tàu, đập tan tuyến phòng thủ hướng Đông Nam của quân đội Việt Nam Cộng hòa, thực hiện chia cắt và vu hồi chiến lược. Sáng 30/4/1975, khi bộ đội chiếm được Long Bình, lực lượng hậu cần cơ động của Quân đoàn nhanh chóng chuyển lên tổ chức đảm bảo cho binh đoàn cơ giới thọc sâu theo xa lộ Biên Hòa – Sài Gòn đánh chiếm Dinh Độc Lập. Trong quá trình chiến dịch diễn ra, Đoàn 814 và Quân đoàn tiếp tục vận chuyển bổ sung vật chất từ ngoài vào “bổ sung được 141 xe đạn, 5 xe lương khô và tự vận chuyển từ Khu 5 vào được 237 tấn đạn, 258 tấn gạo” (Ministry of Defense, 2017, p.268) đảm bảo đủ lượng tiêu thụ và dự trữ sau đợt tấn công.

Tại hướng bắc, ngày 28/4/1975. Quân đoàn 1 cùng lực lượng vận tải chiến dịch sử dụng 39 ô tô vận chuyển đưa thẳng 100 tấn đạn pháo bổ sung cho trận đại pháo ở Nam Sông Bé (địa giới tỉnh Bình Dương và Bình Phước ngày nay), chi viện cho Quân đoàn tấn công đối phương ở phòng ngoài. Ngày 29/4/1975, sau khi Sư đoàn 312 áp sát chân cầu Phú Lợi, hậu cần – kỹ thuật di chuyển lập cụm mới ở Bình Mỹ để đảm bảo cho Sư đoàn đánh chiếm Phú Lợi vào ngày 30/4/1975. “Quân đoàn đã sử dụng 70 ô tô chở đạn, xăng dầu, lương thực, thực phẩm, cơ động Binh đoàn thọc sâu gồm Sư đoàn 320B và Lữ đoàn xe tăng 202 (có 35 xe tăng, 29 xe bọc thép và 3 pháo phòng không tự hành)” (Ministry of Defense, 2017, p.269). Trưa cùng ngày 30/4/1975, sau khi vượt qua cầu Bình Triệu, lực lượng thọc sâu của Quân đoàn 1 trong đó có Tiểu đoàn thiết giáp 66 Lữ đoàn 202 tiến vào Sài Gòn đánh chiếm Bộ Tổng Tham mưu và Lục quân công xưởng ở Gò Vấp. Khi Sư đoàn 320B đánh chiếm Bộ Tổng Tham mưu, “chiếc xe mang biển số BB.9253 đã cơ động Đội phẫu thuật gồm 1 bác sĩ, 2 y sĩ, 2 y tá bám sát đơn vị kịp thời triển khai cấp cứu” (General Department of Logistics, 1976, p.434).

Trên hướng đông bắc, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 sử dụng Tiểu đoàn tăng 1 Lữ đoàn xe tăng 215 chi viện cho Sư đoàn 341 đột phá, đánh chiếm Trảng Bom; Tiểu đoàn tăng 22 cùng Sư đoàn 7 làm lực lượng thọc sâu vào Sài Gòn đánh chiếm Dinh Độc Lập, Đài phát thanh cùng với các lực lượng khác của Quân đoàn 4 và của chiến dịch. Từ 4 giờ sáng 27/4/1975, Quân đoàn 4 tiến công đối phương ở khu vực Trảng Bom – Hồ Nai về Biên Hòa, dọc theo đường số 1. Quân đội của Chính quyền Việt Nam Cộng hòa bị tổn thất nặng nề, “tàn binh địch chạy về đến Suối Địa, bị Trung đoàn 270 tiêu diệt và bắt 2.000 tên. Sư đoàn 18 nguy bị đánh thiệt hại nặng” (Ministry of Defense, 2024, p.610).

Trong chiến đấu, Quân đoàn đã tiêu thụ nhiều đạn pháo, “đến ngày 28 tháng 4 năm 1975, chiến dịch đã chuyển thẳng ra trận địa hơn 1.000 quả đạn pháo 130mm... nhiều quân y các sư đoàn, trung đoàn đã nhanh chóng triển khai các đội phẫu để thu dung, cứu chữa tại chỗ” (Ministry of Defense, 2017, p.272). Sáng ngày 30/4/1975, Quân đoàn 4 đã thọc sâu

đánh chiếm Bộ Quốc phòng và Đài phát thanh. Trong quá trình chiến đấu, quân nhu của Quân đoàn 4 do ở xa mặt trận và xa hậu cứ nên trong thời gian đầu gặp khó khăn, có lúc phải chạy ăn từng bữa. Sau đó, đã kịp thời kết hợp với Đoàn 814, Quân khu 7 và thành lập cụm kho lâm thời ở ngã ba Đường số 1 và Đường số 20 tiếp nhận từ hậu phương cung cấp cho bộ đội.

Tại hướng Tây Bắc, đến ngày 27/4/1975, Quân đoàn 3 dựa vào Đoàn 235 bổ sung đủ đạn cho 2 trung đoàn bộ binh luồn sâu vào Hóc Môn cùng với lực lượng địa phương đánh chiếm cầu Bông, cầu Sáng và một số mục tiêu quan trọng trên đường thọc sâu. “Hậu cần – kĩ thuật Quân đoàn tăng cường 78 ô tô của Sư đoàn chuyển vật chất cho bộ đội, đảm bảo cho Binh đoàn cơ giới thọc sâu gồm Sư đoàn 10 và Trung đoàn xe tăng 273 (59 xe tăng và 24 xe thiết giáp) tiến hành tiến công từ sáng ngày 29 tháng 4 năm 1975 vào Hóc Môn và sáng ngày 30 tháng 4 năm 1975 thọc sâu đánh chiếm sân bay Tân Sơn Nhất và Bộ Tổng Tham mưu” (Ministry of Defense, 2017, p.272).

Để đảm bảo công tác hậu cần trên hướng tây bắc, có đủ số lượng đạn cho đơn vị đánh chiếm Đồng Dù và thọc sâu, ngày 27 và 28/4/1975, Quân đoàn kết hợp với Đoàn 235 gấp rút “chuyển thêm 150 tấn đạn theo đường sông vào An Nhơn Tây. Lúc 6 giờ ngày 30 tháng 4 năm 1975, đạn vào tới Hóc Môn, 3 giờ sau, 15 tấn đạn pháo 110mm được bổ sung cho Lữ đoàn xe tăng 273. Đội điều trị dã chiến của Quân đoàn được cơ động vào triển khai ở Thành Quan Năm lúc 13 giờ ngày 30 tháng 4 năm 1975, kịp thu dung số thương binh của lực lượng thọc sâu” (Ministry of Defense, 2017, p.273).

Nhờ được sự hỗ trợ kịp thời của hậu cần chiến dịch, quân đội Việt Nam càng quyết tâm giải phóng miền Nam. “Bằng sức mạnh hiệp đồng binh chủng, Sư đoàn 320 đã làm chủ căn cứ Đồng Dù sau 6 giờ chiến đấu quyết liệt, diệt 560 tên, bắt 880 tên, thu 17 khẩu pháo lớn (có 3 khẩu 175mm) và 439 xe. Lý Tòng Bá – Chuẩn tướng, Tư lệnh Sư đoàn 25 ngụy chạy trốn, bị du kích Củ Chi bắt sống” (Ministry of Defense, 2024, p.616).

Tại hướng Tây Nam, hậu cần – kĩ thuật của Đoàn 232, Đoàn 240 và Quân khu 8 triển khai trên 2 khu vực, bảo đảm cho Sư đoàn 3 đánh chiếm An Ninh, Lộc Giang, Hậu Nghĩa, Đức Hòa và bảo đảm cho Sư đoàn 5 cùng lực lượng vũ trang địa phương Quân khu 8 tác chiến ở Đường số 4, chiếm Bến Lức, Tân An, Thủ Thừa và tiêu diệt Sư đoàn 22 quân đội Việt Nam Cộng hòa. Đúng 8 giờ 30 phút ngày 29/4/1975, Đại đội tăng 8 và Đại đội tăng 33 cùng bộ binh tiến công giải phóng Hậu Nghĩa. Đồng thời lực lượng thọc sâu vào Sài Gòn vượt sông Vàm Cỏ Đông theo Đường số 10 vượt quan cầu Xáng chiến đấu hướng tây Nam Sài Gòn. “Đoàn 230 tổ chức thêm lực lượng cơ động gồm 50 xe ô tô chở 157 tấn đạn, xăng dầu cùng bệnh viện dã chiến theo sát đảm bảo cho Sư đoàn 9 và lực lượng tăng – thiết giáp thọc sâu vượt qua Hậu Nghĩa, ngày 30 tháng 4 năm 1975 tiến vào Sài Gòn, đánh chiếm biệt khu thủ đô” (Ministry of Defense, 2017, p.274).

Hậu cần chiến dịch tăng cường cho Đoàn 232 một đội điều trị dã chiến. Sáng 30/4/1975 đội vào triển khai tại Bệnh viện Vì Dân (ngã tư Bảy Hiền) và kết hợp tận dụng cơ sở y tế mới chiếm được để tổ chức thu dung, cấp cứu thương binh cho lực lượng tiến công thọc sâu.

Trong khi đó, Bộ đội Đặc công – Biệt động phối hợp với các lực lượng vũ trang địa phương tiếp tục đánh lui quân đội của Chính quyền Sài Gòn phản kích, giữ vững các cầu qua sông, đánh chiếm các chi khu Tân Túc, Tân Hòa, căn cứ radar Phú Lâm, chặn đánh bọn tàn binh chạy về nội thành. Cao Văn Miên – Tổng tham mưu trưởng và nhiều tướng tá của quân đội Sài Gòn bỏ chạy. Tổng thống Mỹ Gerald Ford ra lệnh mở cuộc di tản bằng máy bay lên thẳng mang tên “Người liều mạng” từ 11 giờ 15 phút ngày 29/4/1975, đưa nốt 5.000 người Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam. Sáng ngày 30/4, Graham Martin – Đại sứ Mỹ chạy khỏi Sài Gòn.

Tại hướng Nam và các lực lượng bên trong Sài Gòn, việc đảm bảo hậu cần – kỹ thuật gặp nhiều khó khăn, phức tạp do các đơn vị tác chiến hoạt động phân tán. Bên cạnh đó, công tác hậu cần Quân khu 8 còn sử dụng lực lượng Cánh 4 ở Chợ Gạo tổ chức một bộ phận hậu cần – kỹ thuật gọn nhẹ gồm tài vụ, quân nhu, quân khí, vận tải và đội phẫu thuật cơ động phục vụ Sư đoàn 8 hành quân tham gia đánh chiếm mục tiêu chủ yếu ở hướng Tây Nam Sài Gòn.

Đây là lần đầu tiên hậu cần Quân khu 8 tổ chức đảm bảo cho lực lượng tác chiến cấp sư đoàn hành tiến thần tốc trên đường dài, qua nhiều đồn bót và vùng địch kiểm soát nên có phần bị động, lúng túng. Chính trong thời điểm khó khăn nhất, công tác hậu cần nhân dân càng được thể hiện mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Các trung đoàn hành tiến đến đâu, hậu cần chỉ việc liên hệ cấp ủy địa phương là có ngay lực lượng dân công, gạo, thực phẩm, phương tiện vận chuyển.

Đúng 10 giờ 30 phút ngày 30/4/1975, được lệnh nổ súng, Trung đoàn 24 Sư đoàn 8 đã nhanh chóng tiến quân đánh chiếm Tổng nha Cảnh sát, Trung đoàn 88 và 1 tiểu đoàn Long An cùng đoàn đặc công Quân khu đánh chiếm kho Tân Thuận, tổng kho xăng dầu, cảng Nhà Bè, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Như vậy, ở trên đường bộ, các Quân đoàn, Sư đoàn tính đến chiều ngày 30/4/1975 đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ đặt ra. Thành công lớn nhất của Quân đội nhân dân Việt Nam đã giải phóng được thành phố Sài Gòn, lật đổ hoàn toàn chiến lũy cuối cùng của Chính quyền Việt Nam Cộng hòa, chiến dịch Hồ Chí Minh hoàn toàn thắng lợi.

Song song với các lực lượng bộ binh, pháo binh, trong những ngày diễn ra chiến dịch Hồ Chí Minh, Không quân Việt Nam đã làm nên chiến công đặc biệt. Chiều ngày 28/8/1975 “Phi đội Quyết thắng” gồm 5 máy bay A-37 chiến lợi phẩm do đồng chí Nguyễn Thành Trung bay số 1 dẫn đường cất cánh từ sân bay Thành Sơn (Phan Rang) bay dọc Đường số 1 lao thẳng về hướng Sài Gòn, đánh vào mục tiêu đã chọn là sân bay Tân Sơn Nhất. “Cả khu tập kết máy bay địch bị lửa khói trùm kín, kèm theo là tiếng nổ của những trái bom loại 250 và 500 pound¹. “Phi đội Quyết thắng” đã đánh theo đúng phương án, phá hủy 24 máy bay trên sân đỗ, tiêu diệt 200 quân đối phương trực chiến tại sân bay.

Có được thành công này là ý chí quyết tâm và tinh thần làm việc không mệt mỏi của các chiến sĩ bộ đội cụ Hồ trên sân bay Phù Cát vừa được giải phóng, “Tổ đặc nhiệm kỹ thuật

¹ 1 pound Anh nặng khoảng 0,454kg (1 British pound weighs approximately 0.454kg)

không quân” với kiến thức và kinh nghiệm vốn có về kỹ thuật của máy bay Liên Xô đã đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt cho những chiếc A37 là chiến lợi phẩm của “Phi đội Quyết thắng” làm nên chiến công lịch sử trong chiến dịch Hồ Chí Minh.

Vào 5 giờ sáng ngày 30 tháng 4, từ khắp các hướng, bộ đội ta ào ạt tấn công vào Sài Gòn. Tiếng xe tăng, tiếng động cơ của hàng nghìn xe cơ giới vang rền, chấn động các ngã đường vào nội thành. Quân và dân ta trên toàn mặt trận được lệnh “tiếp tục tiến công vào Sài Gòn theo kế hoạch, tiến quân với khí thế hùng mạnh nhất, giải phóng và chiếm lĩnh toàn bộ thành phố, tước vũ khí quân đội địch, giải tán chính quyền các cấp của địch, đập tan triệt để mọi sự chống cự của chúng”².

Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4, xe của Nguyễn Văn Nam và xe của Dương Quang Lự thuộc Đại đội 15 Tiểu đoàn 964 Sư đoàn 571 chở đơn vị trinh sát bám sát phân đội xe tăng thuộc Lữ đoàn tăng 203 vượt qua cầu Rạch Chiếc tiến nhanh trên đường Hồng Thập Tự tiến về Dinh Độc Lập. Xe tăng đi trước mở đường cho xe ô tô bám theo sau.

10 giờ 45 phút, xe tăng mang số hiệu 843 do Trung úy Bùi Quang Thận – Đại đội trưởng Đại đội xe tăng 4 chỉ huy và xe tăng số hiệu 390 (Lữ đoàn 203) dẫn đầu lực lượng đột kích thọc sâu của Quân đoàn 2 đánh chiếm Dinh Độc Lập. 11 giờ 30 phút ngày 30 tháng 4 năm 1975, lá cờ cách mạng tung bay trước tòa nhà chính của dinh Độc Lập. Đây là thời khắc lịch sử đánh dấu Sài Gòn được hoàn toàn giải phóng, chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Như vậy, “cùng với những chiếc xe tăng còn có những chiếc ô tô vận tải đầu tiên của ta tiến vào Dinh Độc Lập đó là xe ô tô nhãn hiệu CA – 10 số hiệu CE – 1283 do đồng chí Dương Quang Lự điều khiển” (General Department of Engineering, 2011, p.565). Trong quá trình tiến công và nổi dậy, công tác hậu cần đã đảm bảo cơ động nhiều quân đoàn, sư đoàn và vũ khí trang bị, vận chuyển vào chiến trường 46.892 tấn đạn và 93.450 tấn xăng dầu, đảm bảo đầy đủ, kịp thời mọi nhu cầu cho tác chiến. Toàn chiến dịch: “Quân đoàn 1 tiêu thụ 163 tấn đạn, 300 tấn xăng dầu; Quân đoàn 2 tiêu thụ 647 tấn đạn, 286 tấn xăng dầu; Quân đoàn 4 tiêu thụ 278 tấn đạn, 417 tấn xăng dầu; quân đoàn 3 tiêu thụ 464 tấn đạn, 713 tấn xăng dầu; Đoàn 232 tiêu thụ 160 tấn đạn, 100 tấn xăng dầu; ở hướng nam và các lực lượng bên trong Sài Gòn tiêu thụ 150 tấn đạn” (Ministry of Defense, 2017, p.285).

Như vậy, hậu cần chiến dịch đã luôn bám sát tình hình, điều phối đạn dược, vũ khí, xăng dầu khi cần thiết đảm bảo cho quá trình tiến công chiến dịch diễn ra suôn sẻ. Trong giai đoạn thực hành Chiến dịch Hồ Chí Minh, toàn quân chỉ tiêu thụ hết 4.814 tấn vật chất kỹ thuật chiếm 7,5% so với lực lượng dự trữ, khi chiến dịch kết thúc vật chất còn lại tương đối nhiều. Riêng Quân đoàn 2 còn hơn 1.000 tấn đạn ở kho Xuân Lộc, Quân đoàn 4 và Đoàn 814 còn 1.200 tấn đạn ở kho Dầu Giây.

² Điện số 149-TK của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương gửi Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh. Điện gửi lúc 10 giờ ngày 29 tháng 4 năm 1975, số lưu 215/ĐB, Cục Cơ yếu Bộ Tổng Tham mưu (Telegram No. 149-TK of the Politburo and the Central Military Commission to the Ho Chi Minh Campaign Command. Telegram sent at 10:00a.m. on April 29, 1975, archive number 215/DB, Cipher Department of the General Staff).

Chiến dịch kết thúc nhanh chóng nên quân số thương vong của các lực lượng ít. Toàn chiến dịch “Quân đoàn 1 chỉ thu dụng, cứu chữa 614 thương binh chiếm 1,8% quân số; Quân đoàn 2 thu dụng 1.004 thương binh (3,4% quân số); Quân đoàn 4 thu dụng 875 thương binh (3,4% quân số); quân đoàn 3 thu dụng 1.008 thương binh (2,5% quân số); Đoàn 232 thu dụng 696 thương binh (2,5% quân số). Ở hướng Nam và các lực lượng bên trong Sài Gòn thu dụng 522 thương binh chiếm 2% quân số” (Ministry of Defense, 2017, p. 286).

2.5. Những thuận lợi, khó khăn đối với công tác hậu cần – kỹ thuật trong chiến dịch Hồ Chí Minh

2.5.1. Những thuận lợi trong công tác hậu cần – kỹ thuật

Sau 21 năm chiến đấu gian khổ (1954-1975) quân và dân hai miền Nam – Bắc luôn đồng lòng cùng nhau chống giặc ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc. Khi nhận thấy thời cơ cho một cuộc Tổng tiến công đã tới, toàn quân thực hiện tư tưởng chỉ đạo “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”, sẵn sàng đáp ứng các tình huống quyết liệt, kéo dài có thể xảy ra, cùng chung sức, chung lòng cho chiến dịch Hồ Chí Minh.

Được nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam, tin yêu bác Hồ cho nên trong suốt quá trình hành quân của các Quân đoàn, có những lúc lương thực hết chưa kịp tiếp tế, ngoài ăn lương khô dự trữ, bộ đội nhận được sự hỗ trợ từ địa phương. Chẳng hạn như Sư đoàn 312 khi đi qua tỉnh Bình Dương bị thiếu gạo đã nhờ tỉnh chi viện. Hành động này vừa tăng thêm thắm thiết tình quân dân, vừa giúp bộ đội đảm bảo thực phẩm lúc cần thiết. Điều này khẳng định sự đồng lòng của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân Việt Nam cùng hướng tới giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

2.5.2. Những khó khăn trong công tác hậu cần – kỹ thuật

Chiến dịch Hồ Chí Minh là chiến dịch cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đảm bảo hậu cần – kỹ thuật cho chiến dịch với gần 500.000 quân thuộc các quân đoàn dự bị chiến lược, các quân chủng, binh chủng kỹ thuật, lực lượng vũ trang của tất cả các chiến trường miền Nam phối hợp tác chiến. Nhiệm vụ của công tác hậu cần vô cùng nặng nề, khó khăn, phức tạp, đòi hỏi sự chung sức và quyết tâm cao của toàn quân và toàn dân.

Trong cùng một thời gian phải khẩn trương bảo đảm cho việc cơ động nhiều quân đoàn, nhiều đơn vị kỹ thuật, cơ động khối lượng lớn vật chất vào chiến trường trong điều kiện lực lượng vận tải đã huy động đến mức tối đa. Việc triển khai bộ máy hậu cần – kỹ thuật chiến dịch là rất lớn để tổ chức đảm bảo cho 5 quân đoàn và các binh chủng kỹ thuật khác.

Việc đảm bảo đạn hỏa lực cỡ lớn, bảo đảm nhiên liệu, đảm bảo kỹ thuật cho tất cả các loại xe – máy, phương tiện khí tài phục vụ tác chiến, phục vụ chỉ huy, phục vụ hậu cần – kỹ thuật gồm nhiều chủng loại khác nhau, kể cả thu chiến lợi phẩm. Đây là một công việc hết sức quan trọng, đòi hỏi đội ngũ hậu cần luôn trong tình trạng sẵn sàng làm nhiệm vụ nhằm đảm bảo cung ứng kịp thời cho chiến dịch.

Việc tổ chức chỉ huy và đảm bảo giao thông trên nhiều tuyến, nhiều trục đường dài hàng vạn kilômét chạy xuyên suốt trên cả ba vùng chiến lược, gồm cả đường trong vùng mới

giải phóng, nhằm duy trì hành quân nhanh chóng, đến được vị trí tập kết an toàn, đúng thời gian quy định. Đồng thời với việc chuẩn bị toàn diện cho chiến dịch, nhất là việc thu hồi, tiếp quản cơ sở vật chất kỹ thuật của quân đội Việt Nam Cộng hòa phối hợp với địa phương khôi phục sinh hoạt bình thường cho nhân dân vùng mới giải phóng đòi hỏi đội ngũ làm công tác hậu cần – kỹ thuật phải linh động, bám sát, lặn xả và kết hợp nhuần nhuyễn tình quân dân đối với những vùng mới giải phóng, giúp người dân yên tâm lao động, sản xuất và tin tưởng vào chế độ mới – chế độ xã hội chủ nghĩa.

3. Kết luận

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975) mà cụ thể là Chiến dịch Hồ Chí Minh (26/4-30/4/1975) là chiến dịch cuối cùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Trong trận chiến cuối cùng này, ngoài những yếu tố chiến lược và tác chiến thì công tác hậu cần – kỹ thuật rất quan trọng, cung cấp, đảm bảo đầy đủ những nhu cầu cần của chiến dịch, góp phần quan trọng vào cuộc chiến. Trước và trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, hậu cần – kỹ thuật quân sự đã rất tích cực chủ động, tranh thủ thời gian, nhanh chóng triển khai sớm công tác chuẩn bị, sẵn sàng đáp ứng yêu cầu bảo đảm cho chiến dịch. Mặt khác, công tác chỉ huy, chỉ đạo hậu cần – kỹ thuật đã kiên quyết linh hoạt, bám sát nhiệm vụ, bám sát bộ đội, nắm vững các khâu then chốt, xử lý kịp thời các tình huống, đáp ứng yêu cầu “thần tốc” trong tổng tiến công và nổi dậy giải phóng miền Nam. Thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh nói riêng, Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 nói chung là thắng lợi vĩ đại nhất, có ý nghĩa và tầm vóc lịch sử to lớn. Chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị và họa chia cắt đất nước của các thế lực bên ngoài, mở ra một trang sử mới cho dân tộc Việt Nam.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ministry of Defense. (2017). *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Tập 8 [*History of the resistance war against America, saving the country (1954-1975)*, Episode 8]. National Political Publishing House.
- Ministry of Defense. (2017). *Lịch sử Hậu cần – Kỹ thuật quân sự trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1973-1975)*, Tập 3 [*History of the Army – Military techniques in the resistance war against the US, saving the country (1973 – 1975)*, Episode 3]. People's Army Publishing House.
- Ministry of Defense. (2020). *Lịch sử quân sự Việt Nam, Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Tập 11 [*History of Vietnamese military, The resistance war against America, saving the country (1954-1975)*, Episode 11]. National Political Publishing House - Truth.
- Ministry of Defense. (2024). *Lịch sử quân đội nhân dân Việt Nam (1954-1975)*, Tập 2 [*History of the Vietnam People's Army (1954-1975)*, Episode 2]. People's Army Publishing House.

- Communist Party of Vietnam. (2004). *Van kien Dang toan tap* [Van kien is in progress, Episode 36]. National Political Publishing House.
- General Department of Logistics. (1976). *30 nam phuc vu va xay dung cua nganh Quan y* [30 years of service and construction in the Medical industry]. People's Army Publishing House.
- General Department of Logistics. (1986). *Tong ket cong tac hau can B2 trong chien dich mua kho* [Summary of B2 logistics work in warehouse purchasing campaign]. People's Army Publishing House.
- General Department of Engineering. (2011). *Cuc Xe – May, Bien nien su kien (1955-1975)* [Department of Vehicles and Machinery, Chronicle of events (1955 – 1975), Episode 1.] People's Army Publishing House.

LOGISTICS AND TECHNICAL OPERATIONS IN THE HO CHI MINH CAMPAIGN, SPRING 1975

Nguyễn Thị Hương

Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

Corresponding author: Nguyen Thi Huong – Email: nguyenthihuonghcmue@gmail.com

Received: March 16, 2025; Revised: April 17, 2025; Accepted: April 28, 2025

ABSTRACT

The victory of the Ho Chi Minh campaign on April 30, 1975 marked the end of Vietnam's resistance war against the US and the liberation of the South, opening a new chapter in the nation's history. This article outlines the historical context of the campaign and presents the Politburo's strategic directives for its execution. This article outlines the historical context of the campaign and presents the Politburo's strategic directives for its execution. The study emphasizes the critical role of logistics and technical preparation in ensuring the campaign's success. It details the coordinated movement of major military units, including the 2nd Corps from Da Nang, the 3rd Corps from Dau Tieng, Tay Ninh, the 1st Corps from the North, and the 4th Corps along with the 232nd Group operating in Xuan Loc, Long An, and along Route 4, as they converged to establish an offensive position around Saigon. In addition, the article also highlights local logistical preparations led by the Regional Party Committee and the Saigon - Gia Dinh Military Region. The article also summarizes the consumption of weapons and fuel, as well as the treatment of wounded soldiers during the campaign, and evaluates the advantages and disadvantages of the logistics and transportation operations throughout the Ho Chi Minh campaign.

Keywords: Ho Chi Minh Campaign; Logistics – Engineering; Liberation of the South; Politburo; Republic of Vietnam